

TƯ TƯỞNG CẢI CÁCH GIÁO DỤC CỦA VUA THÀNH THÁI

Nguyễn Hữu Phúc¹

Tóm tắt: Sau hàng loạt biến cố đầy đau thương, mất mát và sự can thiệp quyền lực của người Pháp, xã hội Việt Nam bị phân hóa rõ rệt thành hai phái: chủ chiến – chủ hòa, thủ cựu – canh tân. Từ những kết cục bi thảm của phái chủ chiến (bi lưu đày, những cái chết tập thể, ...) đã phần nào tác động lên vua Thành Thái khát vọng canh tân mở cửa. Để chấn hưng đất nước, vua Thành Thái nhận thấy sự cần thiết trong việc học tập văn minh phương Tây để cải cách, chấn hưng đất nước. Trong đó, biện pháp đầu tiên cần thực hiện là đổi mới giáo dục nước nhà. Với việc sử dụng phương pháp nghiên cứu chuyên ngành là phương pháp lịch sử và phương pháp logic kết hợp chặt chẽ với phương pháp nghiên cứu liên ngành là phân tích, tổng hợp, ... bài viết sẽ phân tích để làm sáng tỏ về tư tưởng canh tân đất nước thông qua cải cách giáo dục của vua Thành Thái. Từ nội dung của những tư tưởng giáo dục đổi mới đó, chúng ta có thể hiểu một cách sâu sắc hơn tinh thần yêu nước của vua Thành Thái trong bối cảnh Việt Nam trở thành thuộc địa của người Pháp.

Từ Khóa: cải cách giáo dục, Pháp thuộc, vua Thành Thái.

1. MỞ ĐẦU

Khác với những ông vua trong lịch Việt Nam, Thành Thái là người cấp tiến, ông không chỉ học chữ Hán mà còn học chữ Pháp và cho cả con cái của mình theo học chữ Pháp nữa. Vua Thành Thái chủ động tìm hiểu nghiên cứu các thiết bị kỹ thuật tân tiến của phương Tây và thường xuyên vi hành để tìm hiểu sự thống khổ của nhân dân. Qua những cuộc vi hành, vua Thành Thái càng hiểu thêm nỗi đau của nhân dân lao động đang sống trong ách kim kẹp của chính quyền thực dân Pháp. Vì vậy, vua Thành Thái ngày càng căm giận kẻ và khiến ông phải quyết tâm hành động.

Phát xuất từ nhu cầu xã hội và hoàn cảnh lịch sử đặc trưng trong bối cảnh giao thời giữa hai nền văn minh Việt – Pháp, vua Thành Thái chủ trương học tiếng Pháp và buộc phải cải cách nền giáo dục Hán học của nước nhà. Chính tư tưởng canh tân đất nước, đã thúc đẩy nhà vua phải tiến hành đổi mới giáo dục, tức là cần phải chuyển đổi nền giáo dục cũ sang nền giáo dục mới. Để làm rõ tư tưởng cải cách giáo dục của vua Thành Thái, bài viết sẽ làm rõ những thay đổi trong tư tưởng yêu nước, những hoạt động cải cách giáo dục của vua Thành Thái để chứng minh vua Thành Thái là một nhà cải cách giáo dục ở Việt Nam trong bối cảnh Việt Nam đang phải đối đầu với ách cai trị của thực dân Pháp.

¹ Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế, Email: thienphuc2509history@gmail.com

Qua khảo sát các công trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam nói chung và triều Nguyễn nói riêng, chúng tôi nhận thấy có rất ít các bài báo khoa học cũng như các chuyên khảo viết về nhân vật vua Thành Thái, nếu có thì chủ yếu qua các mẫu chuyện kể hoặc đề cập một cách khái lược. Do đó, trên cơ sở kế thừa các nguồn tài liệu, chúng tôi muốn làm rõ con người cũng như tư tưởng yêu nước và sự trăn trở trước thời cuộc của hoàng đế Thành Thái.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Giới thiệu khái quát về vua Thành Thái

Vua Thành Thái tên húy là Nguyễn Phúc Bửu Lân, con thứ 7 của vua Dục Đức và bà Từ Minh Hoàng hậu Phan Thị Điều. Sinh năm 1879 và lên ngôi vào ngày 2 tháng 2 năm 1889, lấy niên hiệu là Thành Thái.



Vua Thành Thái (1889-1907). Nguồn: Wikipedia

Sau khi vua Đồng Khánh qua đời, người Pháp chọn Bửu Lân lên ngôi vua. Ông đăng quang ngày mùng 2 Tết năm Kỷ Sửu (1889), lấy niên hiệu là Thánh Thái, lúc ấy vua mới có 10 tuổi. Hiểu rõ tình cảnh của vua cha và bối cảnh đất nước lúc bấy giờ nên vua Thành Thái đã có sự cương nghị và đầy lòng yêu nước. Lên ngôi lúc còn tuổi thiếu niên, cho đến lúc trưởng thành, mọi quyền lực nhà vua đều ở trong tay chính quyền Pháp. Chính sự thu hẹp quyền lực và một số đại thần làm tay sai cho thực dân Pháp mà vua Thành Thái chưa bao giờ thấy làm vui sướng, mà luôn suy tư vận nước, tìm cách tiếp cận nhân dân lao động và các sĩ phu cấp tiến có tinh thần chống Pháp giành độc lập cho nước nhà. Ngoài

việc liên lạc với một số sĩ phu yêu nước, vua Thành Thái ngấm ngấm huấn luyện một đội nữ binh do chính nhà vua tự bỏ tiền ra để tuyển mộ, cho mặc áo quần theo kiểu riêng, hằng ngày được luyện tập quân sự một cách bí mật.

Tuy nhiên, nhưng việc làm của nhà vua lâu ngày cũng bị bại lộ người Pháp có sự chú ý đến những hành động của nhà vua. Vì thế, Khâm sứ Pháp đã ban hành “chi thị cho Viện Cơ Mật phải tìm cách uốn nắn tính cách của nhà vua mà theo ý là quá điên cuồng phóng túng” [7, tr.207]. Đồng thời, với việc vua Thành Thái không chịu phê chuẩn việc thăng bỏ một số quan lại theo ý của Toà Khâm sứ nên đã phé truất nhà vua. Do đó, Toà Khâm sứ sau khi thảo luận cùng Hội đồng Thượng Thư ra một bản thông báo: “*Vì vua Thành Thái mắc bệnh điên nên hai Chính phủ đã quyết định như vậy để bảo vệ lợi ích của quốc gia cũng như chính bản thân nhà vua*” [2, tr.127]. Tại vị được 18 năm, đến năm 1907, vua Thành Thái bị dẫn giải đến Capsaint Jacques) và năm 1916 bị đày sang đảo La Réunion. Sau 31 năm bị đày, năm 1953 ông mới được phép về thăm lăng tẩm tổ tiên, nhưng bắt buộc phải ở Sài Gòn, đến tháng 3 năm 1954, vua Thành Thái mất.

2.2. Tư tưởng canh tân giáo dục của vua Thành Thái

2.2.1. Nhận thức mới về thời cuộc và đất nước của vua Thành Thái

Cùng với quá trình đẩy mạnh cuộc khai thác và bóc lột thuộc địa, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng dần du nhập vào Việt Nam. Chính điều này đã tác động và biến đổi một cách mạnh mẽ về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục của Việt Nam. Trong thời gian này, trong khu vực châu Á đã diễn ra “*sự va chạm giữa hai nền văn minh Á - Âu, giữa văn hoá Nho giáo và văn hoá Kitô giáo, giữa tư tưởng Nho giáo với các triết thuyết và khoa học Phương Tây*” [3, tr.32]. Có thể nói, sự va chạm đó đã phần nào tác động rất mạnh đến phong trào đấu tranh yêu nước của nhân dân và tạo điều kiện thúc đẩy chuyển biến trong hệ tư tưởng Việt Nam.

Từ sau sự biến thất thủ Thuận An (1883) và thất thủ Kinh đô (1885), khắp kinh thành phủ kín một nỗi oan khuất, đau thương. Tình hình đau thương này và những cái tang tập thể đã gây nên một chấn động mạnh, tác động mạnh mẽ đến tâm thức người Huế lúc đó. Ngoài ra, sự cầm quyền, can thiệp sâu vào triều chính của người Pháp và nội tình phân hóa chủ chiến – chủ hòa đã làm cho triều Nguyễn khủng hoảng trên nhiều phương diện.

Sống trong bối cảnh mất nước, quyền lực bị thu hẹp, đóng vai trò bù nhìn mà người Pháp hay gọi là “roi de đom” và vua cha “Dục Đức” phải chết trong cảnh bi thảm cứ luôn ám ảnh mãi nhà vua. Những hình ảnh này đã tác động mạnh vào Hoàng đế Thành Thái và dần dần làm chuyển biến tư tưởng của nhà vua, hình thành lòng yêu nước và thái độ chống Pháp. Vốn sẵn thông minh, từ nhỏ đã sống chan hoà với nhân dân lao động nên

nhà vua có ý thức dân chủ, muốn chia sẻ sự gian khổ với những lớp người bần cùng trong xã hội, muốn hiểu biết những tâm tư, tình cảm của họ, do vậy nhà vua thường vi hành.

Thông qua những lần vi hành, nhà vua đã nhận được sự giúp đỡ của người dân, còn mua được những tân thư chữ Hán của Trung Quốc và Nhật Bản. Nhờ đó, vua Thành Thái có tinh thần tự cường dân tộc và đầu óc cải cách. Qua sự tiếp xúc các tân thư của Nhật Bản và Trung Quốc, vua Thành Thái đã hiểu rõ những khái niệm về tự do, dân chủ, dân tộc, quân chủ, cộng hoà,.. và tiếp cận được những tư tưởng khai sáng ở châu Âu như Rút-xô (Lu Thoa), Mông-texkiơ (Mạnh Đức Tư Cưu), Vôn-te (Phúc Lộc Đặc Nhĩ), Spencer (Tư Tân Lắc), Adam Smith (Tư Mật Á Đán). Nội dung trong tân thư đã tác động mạnh mẽ đến tư tưởng của ông, vua Thành Thái nhận ra cần phải tiến hành duy tân đất nước. Sự thay đổi quan trọng trong tư tưởng của nhà vua là về ý thức quốc gia dân tộc, ông nhận ra rằng cần đưa đất nước thoát khỏi nước thuộc địa và thoát khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa. Mặt khác, sau bao nạn binh đao, triều đình Huế càng thấy được nhu cầu cải tổ triều chính, canh tân đất nước từ vấn đề con người để tự cường dân tộc một cách hữu hiệu. Do đó, vua Thành Thái chủ trương phải học tập tinh thần dân chủ và áp dụng mô hình giáo dục của các nước phương Tây vào Việt Nam.

2.2.2. Tư tưởng cải cách giáo dục của vua Thành Thái

Trong bối cảnh xã hội Việt Nam từ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, sự xung đột, va chạm hai nền văn minh Đông – Tây, phía Việt Nam nhận ra nhu cầu nguồn nhân lực để kiến thiết quốc gia. Là người đứng đầu đất nước, vua Thành Thái đã thay đổi chiến lược và nhất thiết phải tiến hành canh tân xứ sở, bắt đầu từ vấn đề cải cách giáo dục. Nhờ đó, nền giáo dục Việt Nam đã có những thay đổi tích cực, “*từ việc kế thừa những ngôi trường, giáo trình đào tạo truyền thống (Hành nhân, Quốc tử giám, giáo dục gia đình...) để thiết lập nên những thiết chế quan trọng, định hình cơ chế vận hành để đào tạo đội ngũ quan lại, học sinh và những người thợ lành nghề, theo đúng tinh thần kết hợp hài hòa tân cựu*” [5, tr.569]. Tư tưởng cải cách giáo dục của vua Thành Thái khởi xướng và chỉ đạo sẽ tập trung vào những nội dung sau đây:

Thành lập trường Quốc học: Ngày 17/9/1896, vua Thành Thái đã ký sắc dụ thành lập một trường học quốc gia tại Huế cho người Việt Nam được học văn minh văn hóa phương Tây lấy tên là “Pháp tự Quốc học trường” thường gọi là trường Quốc học. Trong dụ vua viết rằng: “*Muốn nền giáo dục phát triển, chúng ta không nên chỉ giới hạn ở việc dạy học mà phải đảm bảo tính cân đối, do vậy việc mở các lớp học là cần thiết. Ngoài những cuốn sách kinh điển của Trung Hoa, còn có khá nhiều tác phẩm của các nước khác. Phát triển giáo dục là phương tiện duy nhất giúp nắm bắt kiến thức để giải quyết*

những vấn đề của triều đình và chính quyền, tính cân đối của việc dạy lý thuyết sẽ góp phần giáo dục tư tưởng và đào tạo bậc hiền tài. Tại xứ An Nam, giáo dục dựa trên các cuốn sách cổ điển của Khổng Tử sử dụng giảng dạy ở trường Quốc Tử Giám cũng như tại các trường chính thống đặt tại thủ phủ các tỉnh, phủ, huyện, chúng ta nhận thấy cho đến nay việc nghiên cứu các vấn đề của người phương Tây bị phủ nhận nên việc lấp lỗ hổng này là rất quan trọng” [8, tr.63-64]. Theo dự, đối tượng được vào trường học: 1) Diện có học bổng của triều đình và được tuyển thẳng là con của hoàng thân, vương thân và thanh niên dòng dõi quý tộc, con của các quan lại, học sinh trường Quốc Tử Giám tuổi từ 13 đến 20; 2) Những thanh niên thuộc tầng lớp bình dân đã đỗ kỳ thi sát hạch, đủ trình độ chữ Hán để hiểu bài giảng; 3) Trẻ em từ 8 đến 15 tuổi có thể theo học các khóa đặc biệt, phụ huynh phải có sự đồng ý của trường giáo.

Đến ngày 18/11/1896, Toàn quyền Đông Dương A. Rousseau đã ký nghị định để thành lập trường. Trường Quốc học ra đời, thay thế cho Trường Hạnh Nhân vốn là trường đào tạo ngoại ngữ cho các sứ thần, phiên dịch của triều Nguyễn, đặt dưới sự quản lý của triều đình Huế và sự giám sát tối cao của Phủ Khâm sứ Trung Kỳ (La Résidence supérieure en Annam)”. Theo đó, chữ Hán và chữ Pháp là hai ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình học tại trường Quốc Học. Nghị định cũng nêu rõ Giám đốc trường do Khâm sứ Trung Kỳ bổ nhiệm và thành phần nhân sự phải do Khâm sứ thông qua, trong khi ngân sách hoạt động của trường hoàn toàn do Triều đình Huế chịu trách nhiệm. Từ tháng 2 năm Mậu Tuất (Thành Thái thứ 10- 1898), bỏ Ty Hành nhân, chỉ chọn lưu lại 02 người, lệ vào Cơ Mật viện, còn lại cho qua học tập ở Trường Quốc Học. Đối với các Tiến sĩ, Phó bảng được vào trường để học tập chữ Pháp bắt đầu từ tháng 10/1898, còn người trẻ tuổi, có tư chất từ tháng 5/1899.

Thành lập trường dạy nghề: Để chuẩn hóa đào tạo ngành nghề cho sứ mệnh canh tân đất nước, vua Thành Thái ban Dụ lập trường Bách công (Ecole professionnelle) để dạy nghề vào năm 1899. Đây cũng là trường dạy nghề duy nhất do triều đình nhà Nguyễn lập ra ở Việt Nam dưới thời Pháp thuộc, nằm ở khu đất đối diện với đình Tứ phương và Bình An đường (đường Đặng Thái Thân – Đoàn Thị Điểm – Phùng Hưng hiện nay). Theo Khâm sứ Trung Kỳ Bolloche khi nhấn mạnh nhu xây dựng trường này là rất cấp thiết, vì “*cần nhiều loại thợ, nên lập một trường học tập kỹ nghệ để ngày sau gặp việc ứng biến có người mà dùng*” [5, tr.576]. Cơ Mật Viện đề xuất, vua Thành Thái ban dụ giao chọn ha môn Vũ khố trích tiền công xây dựng Trường Bách công để dạy các nghề thợ sắt, thợ mộc, thợ rèn. Theo đạo dụ, trường tuyển khoảng 200 học trò, mỗi tháng được 3 đồng học bổng. Ở đây, thầy giáo chỉ dạy việc kỹ nghệ mà không nói tới văn chương chữ nghĩa, học trò lười biếng và bị tố cáo việc khác sẽ bị đuổi học, ai phạm lỗi thì do quan coi trường

khiển trách, giám thị trừng phạt. Qua các kì thi tay nghề, ai có kết quả tốt được cấp một số thợ, một tấm bằng, sau khi học nghề xong thi đỗ ra trường, có thể xin làm công ở Sở Đốc công hoặc làm cho tư nhân [5, tr.576].

Đến năm 1900, nhà vua ra tiếp đạo dụ điều chỉnh quy định về học sinh và nhân lực nhà trường. Theo đó trường có 13 giáo viên, 151 công nhân, 72 học trò tổng học bổng mỗi tháng 897 đồng, 100 giản binh giúp việc. Thời gian học là 3 năm, học sinh sau khi tốt nghiệp được cấp bằng thợ, được bố trí việc làm hoặc tự lo công việc. Lương được quy định như sau: thợ vẽ và kiểm tra máy móc nhận một tháng là 20 đồng, thợ cưa gỗ là 30 đồng, giáo viên 6 đồng, học sinh: 3 hoặc 2 đồng [4, tr.369-371]. Trường tổ chức dạy các ngành truyền thống như mộc, rèn, sắt và hoạt động như một trường học xưởng nghề với sự chỉ dẫn của các đốc công người Việt. Tuy nhiên, trong bối cảnh hạ tầng cơ sở phát triển, giao thông vận tải đường bộ, đường thủy và đường sắt tăng, dẫn tới phát sinh nhu cầu phải có thợ sửa chữa tàu lửa, loại cộ và máy móc. Năm 1907, theo gợi ý của Khâm sứ Levecque, vua Thành Thái ra Dụ cho phép nhà trường được mở rộng các ngành nghề đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội. Từ đây, trường đào tạo nhiều ngành nghề theo nhu cầu xã hội như thợ rèn, đóng móng ngựa, làm yên ngựa và đồ da, thợ nguội, thợ tiện, thợ làm xanh chảo, thợ sắt tây, thợ khuôn, thợ mộc, thợ mộc làm nhà rường, thợ chạm, thợ đóng xe, thợ nề, thợ đẽo đá, thợ chạm trổ kim hoàn, thợ sơn, thợ vẽ [5, tr.566-567] ...

Về cải cách thi cử: Để chấn chỉnh việc thi cử và hạn chế những tiêu cực trong quá trình thi như mang tài liệu vào trường thi, nhờ người đi thi hộ, mua chuộc người coi thi,... vua Thành Thái phê chuẩn một số quy định sau:

Về quan coi thi và quan giám sát: “*quan Giám thí ngoài trường dò xét được ai lén vào trường, kiểm nghiệm nét chữ là kẻ làm bài thi hộ thì bắt người và tang vật trình lên nghiêm trị, quan bình Giám thí bắt được kẻ mang tài liệu vào trường thi và kẻ mạo danh vào trường được thưởng*”. Và “*sau khi quan trường vào trường, ở kinh thì do bộ Lễ, ở tỉnh thì do quan tỉnh yết thị nghiêm cấm nhà dân chung quanh không được chứa chấp người ngoài làm bài thi hộ, nếu bắt được sẽ xử phạt. Lại sau khi vào trường thì quan địa phương phải luân phiên đi lại ngoài trường giám sát*” [4, tr.434].

Về thí sinh dự thi: “*mỗi kỳ vào trường, ở kinh thì nghiêm sức các thuộc viên Hành tẩu Thừa phái có mục thuộc các bộ nha và Cử nhân học ở Quốc tử giám cùng các sinh viên Trường Quốc học không dự thi sáng sớm hôm ấy tề tựu chỗ Cơ mật viện để tiện điểm danh, ở tỉnh thì các tỉnh có trường thi đốc thúc thuộc viên và Tường sinh ở tỉnh tới điểm danh*”.

Về thời gian nộp bài thi: “ở mỗi trường định cuối giờ Dậu đầu giờ Tuất làm hạn, quá hạn thì không chấm bài”.

Về yêu cầu chấm bài thi: “các quan trường đều phải chiếu theo văn lý duyệt lấy cho tinh tường xác đáng, nếu không đủ thì lấy thiếu chứ không lấy lạm. Chờ khi ban hạ phúc duyệt quyển nào văn lý không thông và phạm lỗi nặng thì đánh rớt, còn lại nếu văn lý thô thiển, chữ viết sai sót, về tình có chỗ đáng ngờ sẽ đòi tới phúc hạch, nếu quá thông thì cho dự hạng, nếu không thông thì đánh rớt” [4, tr.434-435].

Về quy định thi Hương: Theo quy định mà phía Pháp yêu cầu hệ thống giáo dục sẽ bao gồm ba cấp học là tiểu học, trung học và đại học. Trong kì thi Hương, ngoài những nội dung thi cử như trước đây, thí sinh phải thi môn tiếng Pháp và làm toán.

Còn thi Hội: ba năm sẽ thi một lần và nếu ai đã đỗ Cử nhân, muốn đạt Tiến sĩ thì “phải làm đơn bẩm với bộ Lễ tự chọn nghị luận việc cổ và thời vụ đều một đề cho về làm, cốt được đầy đủ rộng rãi, phát minh nghĩa lý, mỗi đề phải viết được 50 trang giấy lệnh chỉ trở lên. Lúc nào sách xong chép ra một bản đệ nạp cho bộ Lễ, do bộ ấy tâu xin sai quan Hội đồng duyệt trước, hẹn ngày khác chiếu theo sự lý viết trong sách mà hỏi vặn, nếu ai trả lời thông suốt thì lấy làm Tiến sĩ, chiếu lệ biện riêng” [4, tr.442]. Trong 18 năm trị vì, vua Thành Thái đã mở được 7 khoa thi, đều là chính khoa Tiến sĩ, lấy đỗ 121 người, trung bình mỗi khoa lấy đỗ 17 người [6, tr.114].

Thành lập trường Tôn học để khuyến khích học chữ Quốc ngữ: Để tăng cường việc học chữ Quốc ngữ trong tầng lớp quý tộc trong triều đình, vua Thành Thái cho lập trường Tôn học để truyền dạy chữ Quốc ngữ, với nội dung Dụ như sau: “*Văn học Thái Tây dịch ra chữ Quốc ngữ nước ta rất cần thiết, trẫm đã tham khảo châm chước quyết định, lại dặn dò sai báo các tôn tước cùng Công tử Công tôn đều nên học tập để chờ ngày hữu dụng, tới như những người tuổi trẻ thông minh dĩnh ngộ cũng cho vào học*” [4, tr.449]. Theo đó, nhà vua giao cho Tuyên Hóa quận công Bửu Tấn kiêm quản nhà trường, đặt 2 Trợ giáo, 5 Giáo học và 10 Thừa biện, lấy sân đường cũ của Cơ mật viện làm nơi giảng tập, chế cấp ấn có hiệu: “Kiêm quản Tôn học chi ấn” để làm việc, hàng tháng trích 300 đồng để phục vụ hoạt động dạy học của trường.

Định lại quy chế giáo dục: trước tình hình giáo dục Nam Kỳ có nhiều thay đổi khi người Pháp chủ trương thiết lập theo mô hình phương Tây, vua Thành Thái đã ban hành Bản quy chế giáo dục năm 1906 áp dụng cho việc học ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, lần đầu tiên quy định cụ thể các bậc học và chương trình học cho từng cấp. Mặc dù, việc cải cách giáo dục tại Đông Dương do Toàn quyền Paul Beau khởi xướng và chỉ đạo, nhưng cũng được triều đình nhà Nguyễn thông qua và ủng hộ khi áp dụng tại Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Vì thế

trong lần họp đầu tiên vào tháng 4 năm 1906 của Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ Đông Dương (Conseil de perfectionnement de l'Enseignement indigene en Indochine) cũng có sự có mặt của vua Thành Thái. Sau một tháng bàn bạc thảo luận, Hội đồng đã soạn ra bản quy chế giáo dục, đưa ra những quy định về cải cách trường học và thi cử Nho giáo.

Đến ngày 31/5/1906 (tức ngày 9 tháng 4 năm Thành Thái thứ 18), sau khi có sự có sự thống nhất giữa Hội đồng Cơ mật và Toàn quyền Paul Beau, Bản Quy chế giáo dục về cải cách các trường Nho học và các kỳ thi Hương được chính thức ban hành và thực thi. Nội dung chủ yếu của Bản quy chế giáo dục là đưa các trường bản xứ vào hệ thống giáo dục công, gồm có ba bậc:

- Bậc Ấu học lập ở làng, ngân sách và việc thuê thầy do làng tự tổ chức lấy, các Giáo thụ (trường Phủ), Huấn đạo (trường Huyện) trong vùng có trách nhiệm giám sát việc học ở trường này; trường Ấu học dạy chữ Hán và chữ Quốc ngữ; tốt nghiệp Ấu học, học sinh dự thi gọi là “Hạch tuyển”, người đậu sẽ được cấp bằng “Tuyển sinh”.

- Bậc Tiểu học sẽ học trong 2 năm ở các phủ, huyện (trường Giáo thụ, trường Huấn đạo). Chương trình học tại trường bao gồm: chữ Hán và chữ Quốc ngữ, thêm môn số học và địa lí, cách trí, vệ sinh, luân lí, lịch sử đơn giản; tốt nghiệp Tiểu học, học sinh dự thi Khảo khóa, đỗ gọi là “Khóa sinh”;

- Bậc Trung học dạy ở các trường tỉnh (trường Đốc học): Ở bậc này, học sinh sẽ học chữ Hán, chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp. Chữ Hán do Đốc học dạy, chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp do giáo viên trường Pháp-Việt sở tại dạy. Tốt nghiệp Trung học, học sinh thi “Hạch”, đỗ gọi là “Thí sinh”. Kể từ năm 1909, chỉ những người có bằng “Thí sinh” mới được dự thi Hương [1, tr.12-14].

Chương cuối cùng của Bản Quy chế giáo dục dành cho việc học Pháp-Việt, theo đó mối quan hệ giữa trường Nho giáo bản xứ và trường học mới đã được quy định rõ ràng “chỉ những người nào có bằng Tuyển sinh mới được vào học trường Tiểu học Pháp-Việt” [4, tr.494]. Bản Quy chế này đã được Toàn quyền Broni phê chuẩn ngày 14/9/1906 và được coi là chuẩn mực cho việc học và thi cử cho đến năm 1918.

Như vậy cùng với những động thái của vua Thành Thái và chủ trương thực hiện một cuộc cải cách giáo dục trên toàn cõi Đông Dương, Bản quy chế giáo dục năm 1906 đã làm thay đổi tận gốc rễ hệ thống trường Nho học, nhưng yếu tố hiện đại của một nền giáo dục mới vẫn chưa được định hình rõ nét. Tuy nhiên, do nguồn kinh phí hạn chế nên hệ thống các trường học Pháp-Việt ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ vẫn chưa thật sự phát triển, đó

cũng chính là cơ sở để chính quyền Pháp chủ trương thực hiện cuộc cải cách giáo dục vào năm 1917.

3. KẾT LUẬN

Vua Thành Thái là một trong số các vị vua của triều Nguyễn được đánh giá là người cầu tiến, yêu nước và chống Pháp. Nhận thấy, canh tân xứ sở là con đường để xây dựng Đại Nam cường thịnh và đủ tiềm lực để đối chọi lại người Pháp. Chính vì thế, vua Thành Thái đã dành sự quan tâm đặc biệt cho giáo dục dục và đặt cải cách giáo dục lên hàng đầu trong chính sách phát triển nguồn nhân lực cho quốc gia.

Với những biện pháp thực hiện trên lĩnh vực giáo dục đã phần nào mang lại một luồng sinh khí mới từ những ngôi trường, sách giáo khoa, đội ngũ giáo viên và chất lượng giáo dục để phục vụ cho công cuộc chấn hưng đất nước trong bối cảnh giao thời Đông – Tây. Tuy những chính sách canh tân, đổi mới giáo dục chưa thực sự để lại dấu ấn sâu đậm, thậm chí còn được cho là có sự sắp đặt của người Pháp, nhưng phần nào đó đã thay đổi sự lạc hậu của một triều đình phong kiến, đổi mới để phù hợp với thời cuộc. Đó cũng chính là bài học thiết thực cho nền giáo dục Việt Nam, cần phải luôn đổi mới và chủ động bắt nhịp sự phát triển giáo dục trong bối cảnh có nhiều chuyên biến như hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Ngọc Báu (2008), *Nhìn lại hai cuộc cải cách giáo dục (1906 và 1917) ở Việt Nam đầu thế kỉ XX*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 5, trang 11-24.
2. Tôn Thất Bình (1999), *Chín chúa – mười ba vua triều Nguyễn*, Nxb Đà Nẵng.
3. Lê Thị Lan (2015), *Các đặc trưng của tư tưởng triết học Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 8, trang 32–40.
4. Quốc Sử quán triều Nguyễn (2012), *Đại Nam thực lục Chính biên đệ lục kỷ Phụ biên*, Cao Tự Thanh dịch và giới thiệu, Nxb Văn hóa – Văn nghệ.
5. Nhiều tác giả (2021), *Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế: “Giáo dục Pháp – Việt cuối thế kỉ XIX đến giữa thế kỉ XX*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
6. Nguyễn Ngọc Quỳnh (2011), *Hệ thống giáo dục và khoa cử Nho giáo triều Nguyễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Lương Kim Thành (2013), *Gần 400 năm vua chúa triều Nguyễn*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
8. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I (2016), *Giáo dục Việt Nam thời kì thuộc địa qua tài liệu và tư liệu lưu trữ (1858-1945)*, Nxb Thông tin và Truyền thông.

KING THANH THAI'S EDUCATION REFORM IDEAS*Nguyen Huu Phuc*

Abstract: *After a series of painful events, losses and the intervention of power by the French, Vietnamese society was clearly divided into two factions: warlords - pacifists, conservatives - reformists. From the tragic results of the war faction (exile, collective deaths, ...) partly influenced King Thanh Thai's desire to reform and open the door. To revive the country, Thanh Thai king realized that it was necessary to study Western civilization to reform and revive his country. In particular, the first measure that needed to be taken, was to renovate national education. With the use of specialized research methods which are historical and logical, combined closely with interdisciplinary methods of analysis and synthesis, this article will detail the national reform thought through the educational reform by Thanh Thai king. Following his reform, we can understand the patriotic spirit of Thanh Thai king in the context of Vietnam becoming a French colony.*

Keywords: *Education reform, French colonialism, King Thanh Thai.*

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-9-2022; ngày phân biện đánh giá: 30-9-2022; ngày chấp nhận đăng: 05-10-2022)